

**DANH SÁCH CĐV XUẤT SẮC  
NĂM 2014**

| STT | HỌ VÀ TÊN            | CĐBP                                | GHI CHÚ |
|-----|----------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Kim Hồng      | Phòng SDH                           |         |
| 2   | Hoàng Văn Cẩm        | Phòng Đào tạo                       |         |
| 3   | Nguyễn Thị Minh Hồng | Khoa tiếng Trung                    |         |
| 4   | Đặng Chính Nghĩa     | Phòng Q TTB&Y tế                    |         |
| 5   | Đỗ Thị Thanh Xuân    | Chủ tịch CĐ Trường-CĐBP Phòng TCHC  |         |
| 6   | Huỳnh Công Ba        | Phó CT CĐ Trường-CĐBP P. CT CT&HSSV |         |
| 7   | Tôn Thúy Hằng        | UV BTV CĐ Trường-CĐBP Tổ GDNC       |         |
| 8   | Nguyễn Văn Bình      | BCH CĐ Trường-CĐBP Khoa Hóa học     |         |
| 9   | Lê Văn Lộc           | BCH CĐ Trường-CĐBP Khoa tiếng Anh   |         |
| 10  | Nguyễn Vũ Thụ Nhân   | BCH CĐ Trường-CĐBP Khoa Vật lý      |         |
| 11  | Tổng Xuân Tám        | BCH CĐ Trường-CĐBP Khoa Sinh học    |         |
| 12  | Nguyễn Ngọc Trung    | BCH CĐ Trường-CĐBP P. KT&BDCL       |         |
| 13  | Nguyễn               | BCH CĐ                              |         |

**Danh sách công đoàn viên xuất sắc năm học 2013 - 2014**Thứ sáu, 08 Tháng 8 2014 02:25

---

|    |                                                               |
|----|---------------------------------------------------------------|
|    | Vĩnh Trương-<br>Khương CĐBP P.KH<br>CN&MT-<br>TCKH            |
| 14 | Nguyễn BCH CĐ<br>Thị Trường-<br>Thanh CĐBP Khoa<br>Hương GDMN |
| 15 | Phạm BCH CĐ<br>Thị Hiền Trường -<br>Hoa CĐBP Thư<br>viện      |
| 16 | Lê Thị BCH CĐ<br>Tường Trường -<br>Vân CĐBP Phòng<br>KHTC     |
| 17 | Nguyễn Phòng CTCT<br>Sỹ Xuân - HSSV                           |
| 18 | Nguyễn Phòng KHTC<br>Thị Bảy                                  |
| 19 | Nguyễn Tổ NNKC<br>Thị Tú                                      |
| 20 | Nguyễn Tổ NNKC<br>Kỳ Nam                                      |
| 21 | Nguyễn Phòng TCHC<br>Thị<br>Hong<br>Nhưng                     |
| 22 | Nguyễn Phòng TCHC<br>Văn Hải                                  |
| 23 | Lâm Phòng TCHC<br>Thanh<br>Minh                               |
| 24 | Vũ Thị Phòng TCHC<br>Tố Nga                                   |
| 25 | Lý Quốc Phòng TTĐT<br>Bình - QLDA                             |
| 26 | Phạm Viện NCGD<br>Văn<br>Danh                                 |
| 27 | Võ Thị Viện NCGD<br>Tích                                      |
| 28 | Lê Nhà xuất bản<br>Thanh<br>Hà                                |
| 29 | Võ Văn Nhà xuất bản<br>Chính                                  |
| 30 | Nguyễn Khoa Anh<br>Hòa Nhã<br>Lan                             |

- |    |                        |                   |
|----|------------------------|-------------------|
| 31 | Trần Xuân Bình         | Khoa Anh          |
| 32 | Nguyễn Tuấn Phúc       | Khoa Anh          |
| 33 | Nguyễn Thị Hạnh        | Khoa Trung        |
| 34 | Trần Khai Xuân         | Khoa Trung        |
| 35 | Phạm Thị Thu Thủy      | Khoa Toán - Tin   |
| 36 | Bùi Thị Thanh Mai      | Khoa Toán - Tin   |
| 37 | Cao Lê Dung Chi        | Khoa Tiếng Nhật   |
| 38 | Trần Hoàng             | Phòng KHCN - TCKH |
| 39 | Trần Thị Thư Tuyết Nga | Thư Viện          |
| 40 | Nguyễn Ngọc Dung       | QTTB - Y tế       |
| 41 | Nguyễn Quang Cường     | QTTB - Y tế       |
| 42 | Nguyễn Thị Thu Hiền    | QTTB - Y tế       |
| 43 | Tạ Thị Thắng           | Phòng Đào Tạo     |
| 44 | Nguyễn Anh Đài         | Ký Túc Xá         |
| 45 | Biện Xuân Tăng         | Ký Túc Xá         |
| 46 | Nguyễn Đức Quyết       | Sau Đại Học       |
| 47 | Lê Thu Hương           | Trường THPT       |
| 48 | Hồ Lộc Thuận           | Trường THPT       |
| 49 | Triệu                  | Trường            |

|    |               |             |
|----|---------------|-------------|
|    | Thế khôi      | THTH        |
| 50 | Lê      Phòng | CNTT        |
|    | Nguyễn        |             |
|    | Quỳnh         |             |
|    | Thy           |             |
| 51 | Lê Thị        | Khoa GDĐB   |
|    | Minh Hà       |             |
| 52 | Nguyễn        | Khoa GDMN   |
|    | Kim           |             |
|    | Uyên          |             |
| 53 | Nguyễn        | Khoa GDTH   |
|    | Thị Như       |             |
|    | Hằng          |             |
| 54 | Phạm          | Khoa GDTH   |
|    | Hải Lê        |             |
| 55 | Nguyễn        | Khoa GDCT   |
|    | Trung         |             |
|    | Tính          |             |
| 56 | Đỗ Thị        | Khoa GDCT   |
|    | Thúy          |             |
|    | Yến           |             |
| 57 | Trần Thị      | Tổ GDNC     |
|    | Kim           |             |
|    | Liên          |             |
| 58 | Bùi Trần      | Khoa Ngữ    |
|    | Quỳnh         | Văn         |
|    | Ngọc          |             |
| 59 | Nguyễn        | Khoa Ngữ    |
|    | Bích          | Văn         |
|    | Nhã           |             |
|    | Trúc          |             |
| 60 | Phan          | Khoa Ngữ    |
|    | Thu Vân       | Văn         |
| 61 | Trần Thị      | Khoa Ngữ    |
|    | Đoan          | Văn         |
|    | Trang         |             |
| 62 | Đặng          | Khoa Ngữ    |
|    | Duy           | Văn         |
|    | Luân          |             |
| 63 | Nguyễn        | Khoa Địa Lý |
|    | Văn           |             |
|    | Luyên         |             |
| 64 | Tạ Thị        | Khoa Địa Lý |
|    | Ngọc          |             |
|    | Bích          |             |
| 65 | Hà Thị        | Khoa Sinh   |
|    | Bé Tư         |             |
| 66 | Nguyễn        | Khoa Sinh   |
|    | Thiên         |             |
|    | Phú           |             |

- |    |          |              |
|----|----------|--------------|
| 67 | Lê Thị   | Khoa Hóa     |
|    | Diệu     |              |
| 68 | Trần Thị | Khoa Hóa     |
|    | Thu      |              |
|    | Thủy     |              |
| 69 | Lê Văn   | Khoa Hóa     |
|    | Đăng     |              |
| 70 | Nguyễn   | Khoa Hóa     |
|    | Thị      |              |
|    | Tuyết    |              |
|    | Nhung    |              |
| 71 | Trương   | Khoa Hóa     |
|    | Quốc     |              |
|    | Phú      |              |
| 72 | Lê Thị   | TT Tin Học   |
|    | Huyền    |              |
| 73 | Nguyễn   | Khoa Pháp    |
|    | Thức     |              |
|    | Thành    |              |
|    | Tín      |              |
| 74 | Nguyễn   | Khoa Pháp    |
|    | Thị Tươi |              |
| 75 | Đào Thị  | Khoa Lịch Sử |
|    | Mộng     |              |
|    | Ngọc     |              |
| 76 | Nguyễn   | Khoa Lịch Sử |
|    | Minh     |              |
|    | Mẫn      |              |
| 77 | Nguyễn   | Khoa GDQP    |
|    | Thị      |              |
|    | Thanh    |              |
|    | Hải      |              |
| 78 | Ngô      | Khoa Nga     |
|    | Chân     |              |
|    | Mỹ       |              |
| 79 | Trần     | Khoa Vật Lý  |
|    | Đăng     |              |
|    | Bảo Ân   |              |
| 80 | Mai      | Khoa Vật Lý  |
|    | Hoàng    |              |
|    | Phương   |              |
| 81 | Phan     | Khoa Vật Lý  |
|    | Thị      |              |
|    | Ngọc     |              |
|    | Loan     |              |
| 82 | Phan     | Khoa Vật Lý  |
|    | Thị      |              |
|    | Minh     |              |
|    | Tâm      |              |
| 83 | Nguyễn   | Khoa Vật Lý  |

|    |                  |                         |
|----|------------------|-------------------------|
| 84 | Ngọc Ty          |                         |
|    | Huỳnh Mai        | Khoa Tâm Lý<br>Giáo Dục |
|    | Trang            |                         |
| 85 | Nguyễn Văn       | Khoa Tâm Lý<br>Giáo Dục |
|    | Hiển             |                         |
|    | Lý Thị Thanh     | Khoa Tâm Lý<br>Giáo Dục |
| 86 | Trúc             |                         |
|    | Võ Thị Hồng      | Khoa Tâm Lý<br>Giáo Dục |
|    | Trước            |                         |
| 87 | Nguyễn Thị Vân   | Khoa GDTC               |
|    | Phạm Thị Lệ      | Khoa GDTC               |
|    | Hằng             |                         |
| 88 | Bùi Ngọc Bích    | Khoa GDTC               |
|    | Ngô Kiên         | Khoa GDTC               |
|    | Trung            |                         |
| 89 | Ngô Quốc Việt    | Khoa CNTT               |
|    | Trần Đức Tâm     | Khoa CNTT               |
|    | Võ Phương        | Khoa CNTT               |
| 90 | Nguyễn Đức Thuần | TT Ngoại<br>Ngữ         |
|    | Trần Thanh       | TT Ngoại<br>Ngữ         |
|    | Hải              |                         |